

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-4-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh  
2. Ông Trịnh Văn Đoan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Chị L và anh H tự nguyện về chung sống với nhau năm 2003 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B (nay là xã Đ, huyện H), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho đến nay. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt về chửi vợ con, nhiều lần còn đánh chị L. Đến nay anh H vẫn không thay đổi. Chị L thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh H có 02 người con tên Huỳnh Thị Lan T – sinh năm 2003 và Huỳnh Văn S, sinh năm 2007. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Văn S và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Huỳnh Thị Lan T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

*Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của anh H.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh H, giao con chung Huỳnh Văn S cho chị L nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn H cư trú tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh H và chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không có lý do, chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh H, chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn, biên bản xác minh ngày 14/01/2022 thấy rằng: chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2004. Trong quá trình chung sống, anh H thường xuyên nhậu nhẹt về đánh chửi vợ, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù không thu thập được ý kiến của anh H nhưng Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc nhưng anh H không có mặt để làm việc

thể hiện anh H không có nguyện vọng níu kéo cuộc hôn nhân của hai vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị L đã trầm trọng, kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 người con tên Huỳnh Thị Lan T – sinh năm 2003 và Huỳnh Văn S, sinh năm 2007. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Văn S. Xét thấy, anh H không thể hiện nguyện vọng muốn nuôi cháu S, cháu S có nguyện vọng muốn được sống cùng chị L nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung Huỳnh Thị Lan T đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị L và anh Huỳnh Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 21/4/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn S, sinh ngày 26/6/2007 cho chị Hồ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Huỳnh Thị Lan T đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Chị Hồ Thị L phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013627 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

#### 5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Minh Hải**